



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

(Kèm theo quyết định số/ with decision No: 3157 /QĐ - VPCNCLQG ngày 08 tháng 11 năm 2025
của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/of BoA Director)

Tên tổ chức giám định: **CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL**

Name of Inspection Body: **WORLDCONTROL SURVEY CORPORATION**

Mã số công nhận:
Accreditation Code: **VIAS 044**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation standard: **ISO/IEC 17020:2012**

Địa chỉ trụ sở chính : **Số 144/16 Võ Duy Ninh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

Head office address: **No. 144/16 Vo Duy Ninh Street, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam**

Địa điểm đăng ký công nhận: **Số 45 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

Accreditation locations: **No. 45 Nguyen Huu Canh Street, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam**

Điện thoại/ Tel: **(028) 38407496**

Email: info.contact@worldcontrol.vn/ Website: <http://www.worldcontrol.vn/>

Loại tổ chức giám định: **Loại A**

Type of Inspection: **Type A**

Người đại diện: **Lưu Thị Lan**

Authorized Person: **Luu Thi Lan**

Hiệu lực công nhận đến:
Period of Validation : **Kể từ ngày 08 / 11 / 2025 đến ngày 09 / 11 / 2030**



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

Lĩnh vực giám định <i>Field of Inspection</i>	Nội dung giám định <i>Type and Range of Inspection</i>	Phương pháp, quy trình giám định <i>Inspection Methods/ Procedures</i>	Địa điểm và / hoặc bộ phận liên quan <i>Location(s) and/ or relating division(s)</i>
Khí, dầu mỏ và các sản phẩm dầu mỏ: Khí dầu mỏ (LPG) , propylene, sản phẩm dầu mỏ Gas, petroleum and petroleum products: LPG, Propylene, Petroleum products	Số lượng, khối lượng bằng phương pháp thể tích, lấy mẫu, chất lượng (đặc tính hoá, lý). <i>Tally, weigh by volume method, sampling, quality (chemical, physical).</i>	PPGD-25-WSC PPGD-43-WSC PPGD-44-WSC PPGD-28-WSC PPGD-55-WSC	Phòng giám định năng lượng <i>Energy Inspection Department</i>
Máy móc, thiết bị Machinery, Equipment	Số lượng, chủng loại, tình trạng mới và / hoặc cũ đã qua sử dụng, năm sản xuất, nước sản xuất, phạm vi sử dụng, an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường theo quyết định 18/2019/QĐ-TTg. <i>Tally, type, condition (new/ used), year of manufactured, country of origin, field of use, origin, safety, savings energy, environmental protection according to Decision No. 18/2019/QĐ-TTg</i>	PPGD-16-WSC	Phòng kỹ thuật công nghiệp <i>Industrial Engineering Department</i>
Máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ Machinery, equipment, production line	Số lượng, chủng loại, tình trạng mới và hoặc đã sử dụng, năm sản xuất, nước sản xuất, tính đồng bộ. <i>Tally, type, condition (new/used), year of manufactured, country of origin, synchronism.</i>	PPGD-17-WSC	Phòng kỹ thuật công nghiệp <i>Industrial Engineering Department</i>
Vật liệu kim loại: Thép Metal material: Steel	Số lượng, khối lượng, quy cách, chất lượng (đặc tính hóa, cơ, lý) <i>Tally, weight, size , quality (chemical, physical, mechanical characteristics)</i>	PPGD-48-WSC	Phòng giám định hàng hoá <i>Commodity Inspection Department</i>



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

Lĩnh vực giám định <i>Field of Inspection</i>	Nội dung giám định <i>Type and Range of Inspection</i>	Phương pháp, quy trình giám định <i>Inspection Methods/ Procedures</i>	Địa điểm và / hoặc bộ phận liên quan <i>Location(s) and/ or relating division(s)</i>
Phế liệu: - Phế liệu sắt, thép, gang - Phế liệu nhựa - Phế liệu giấy - Phế liệu kim loại màu Scrap: - Iron, steel scrap - Plastic scrap - Paper scrap - Non-ferrous metals scrap	Số lượng, khối lượng, chất lượng (quy cách, chủng loại, phân loại theo HS, xác định tỉ lệ tạp chất, chất thải nguy hại, tầm soát ô nhiễm phóng xạ theo xuất liệu ($\mu\text{Sv/h}$) và (Bq/cm^2)). <i>Quantity by tally, weight, by draft survey, quality (specifications, type, classification by HS, check impurity, hazard substances, surface radioactive pollution screening by dose ($\mu\text{Sv/h}$) and (Bq/cm^2)).</i>	PPGD-47-WSC PPGD-49-WSC PPGD-50-WSC PPGD-57-WSC	Phòng giám định hàng hoá <i>Commodity Inspection Department</i>
Than Coal	Số lượng, khối lượng, lấy mẫu, chất lượng (đặc tính hoá, lý) của than <i>Quantity, sampling, quality (chemical, physical characteristics)</i>	PPGD-20-WSC	Phòng giám định năng lượng <i>Energy Inspection Department</i>
Quặng và khoáng sản: Quặng sắt Ore and mineral: Iron ore	Lấy mẫu, chất lượng (đặc tính hoá, lý) <i>Sampling, quality (chemical, physical, characteristics)</i>	PPGD-22-WSC	Phòng giám định năng lượng <i>Energy Inspection Department</i>
Định lượng: Hàng hoá Quantity: Cargo	Khối lượng theo cân, khối lượng theo mớn nước, số lượng (không bao gồm hàng lỏng) <i>Weight, draft survey, tally (except liquid)</i>	PPGD-46-WSC PPGD-06-WSC PPGD-05-WSC PPGD-53-WSC PPGD-07-WSC	Phòng giám định năng lượng <i>Energy Inspection Department</i>



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

Lĩnh vực giám định <i>Field of Inspection</i>	Nội dung giám định <i>Type and Range of Inspection</i>	Phương pháp, quy trình giám định <i>Inspection Methods/ Procedures</i>	Địa điểm và / hoặc bộ phận liên quan <i>Location(s) and/ or relating division(s)</i>
Tổn thất: Hàng hoá Damage: <i>Cargo</i>	Xác định mức độ và nguyên nhân tổn thất <i>Examine and determine the extent and cause of damage</i>	PPGD-45-WSC	Phòng giám định tổn thất <i>Damage Inspection Department</i>
Hàng hải Marine	Kiểm tra sạch sẽ hầm hàng <i>Hold cleanliness survey</i>	PPGD-03-WSC	Phòng giám định năng lượng <i>Energy Inspection Department</i>
Thức ăn chăn nuôi: Nguyên liệu Animal feed: <i>Materials</i>	Số lượng, khối lượng theo cân và món nước, lấy mẫu, chất lượng (đặc tính hoá, vi sinh, an toàn theo QCVN) <i>Tally, weight by scale, weight by draft survey, quality (chemical, biological characteristics, safety according to QCVN)</i>	PPGD-56-WSC	Phòng giám định hàng hoá <i>Commodity Inspection Department</i>

Ghi chú/ Note:

- PPGD-XX-WSC: Quy trình giám định do tổ chức giám định xây dựng/ *IB's developed methods*
- Trường hợp Công ty Cổ phần Giám định WORLDCONTROL cấp dịch vụ giám định thì Công ty Cổ phần Giám định WORLDCONTROL phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này./ *It is mandatory for the WORLDCONTROL Corporation that provides inspection services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

DANH MỤC PHƯƠNG PHÁP/ QUY TRÌNH GIÁM ĐỊNH
LIST OF INSPECTION METHODS/ PROCEDURES

Tên phương pháp/ qui trình giám định <i>Name of inspection methods/ procedures</i>	Mã số phương pháp/ quy trình giám định, lần ban hành và / hoặc năm ban hành <i>Code of inspection methods/ procedures, issued version and/or year</i>
Phương pháp giám định tình trạng hàng hoá & phương tiện chứa hàng	PPGD-03-WSC (21/09/2025)
Phương pháp giám định khối lượng bằng cân bàn	PPGD-05-WSC (22/09/2025)
Phương pháp giám định giám sát cân hàng bằng cân cầu	PPGD-06-WSC (22/09/2025)
Phương pháp giám định số lượng chi tiết	PPGD-07-WSC (15/12/2018)
Phương pháp giám định máy móc thiết bị đã qua sử dụng	PPGD-16-WSC (30/09/2025)
Phương pháp giám định số lượng, chủng loại, tình trạng, chất lượng, tính đồng bộ của máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ	PPGD-17-WSC (30/09/2025)
Quy trình lấy mẫu than đá và cốc	PPGD-20-WSC (17/03/2025)
Quy trình lấy mẫu và chuẩn bị mẫu quặng sắt	PPGD-22-WSC (18/03/2025)
Phương pháp giám định số/ khối lượng xăng dầu từ tàu giao lên bờn và từ bờn giao xuống tàu	PPGD-25-WSC (30/09/2025)
Phương pháp kiểm soát hao hụt trong quá trình bơm hàng LPG từ tàu lên bờn	PPGD-28-WSC (15/12/2018)
Phương pháp lấy mẫu LPG	PPGD-43-WSC (15/12/2018)
Phương pháp giám định LPG	PPGD-44-WSC (15/12/2019)
Phương pháp giám định hàng tổn thất	PPGD-45-WSC (22/09/2025)
Phương pháp xác định khối lượng hàng hoá qua mớn nước	PPGD-46-WSC (20/09/2025)
Phương pháp giám định phế liệu sắt, thép, gang	PPGD-47-WSC (15/09/2025)
Phương pháp giám định số lượng, quy cách & chất lượng thép	PPGD-48-WSC (15/09/2025)
Phương pháp giám định nhựa phế liệu	PPGD-49-WSC (15/09/2025)
Phương pháp giám định giấy phế liệu	PPGD-50-WSC (30/06/2025)
Phương pháp giám định kiểm đếm tally	PPGD-53-WSC (17/06/2020)
Phương pháp giám định Propylene	PPGD-55-WSC (20/09/2025)
Phương pháp giám định thức ăn chăn nuôi	PPGD-56-WSC (11/09/2025)
Phương pháp giám định phế liệu kim loại màu	PPGD-57-WSC (15/09/2025)